

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU

Số: 1391/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lai Châu, ngày 17 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Phong Thổ

tỉnh Lai Châu đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH LAI CHÂU

Số: 5310
Ngày: 30/11/2015
Chuyên: Kế hoạch
Lưu hồ sơ số:

CHỦ TỊCH UBND TỈNH LAI CHÂU

(#) Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ V/v lập phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Thông báo số 17-TB/TU ngày 10/11/2015 của Tỉnh ủy về Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại cuộc họp ngày 09/11/2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Quy hoạch tổng thể phát triển KT- XH huyện Phong Thổ phải phù hợp, đồng bộ, thống nhất với Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH đến năm 2020 của cả nước, tỉnh Lai Châu, các quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu trên địa bàn và các quy hoạch khác có liên quan.

2. Phát triển KT-XH của Phong Thổ phải gắn với đảm bảo an ninh chính trị, bảo vệ toàn vẹn chủ quyền quốc gia, trật tự an toàn xã hội biên giới; xây dựng một hệ thống chính trị vững chắc, một khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

3. Tăng cường khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế. Phát triển kinh tế phải dựa trên sự kết hợp những lợi thế so sánh của huyện với việc ứng dụng công nghệ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất và dựa trên sự đẩy mạnh phát triển thể chế kinh tế thị trường.

4. Phát triển kinh tế gắn với phát triển xã hội; đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo; nâng cao dân trí, chất lượng nhân lực, đặc biệt là đội ngũ cán bộ cơ sở, cán bộ là người dân tộc thiểu số; thực hiện tốt chính sách dân tộc; từng bước nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần của người dân. Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa đa dân tộc, gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống trên địa bàn.

5. Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường, phát triển và bảo vệ rừng, gìn giữ hệ sinh thái tự nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu chung:

Đẩy nhanh tăng trưởng và dịch chuyển cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp. Chuyển đổi dần từ sản xuất nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hóa tập trung. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội. Tập trung giảm nghèo nhanh và bền vững, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc, phát triển nhân lực, đặc biệt là đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Tập trung bố trí, sắp xếp ổn định dân cư gắn với phát triển vùng sản xuất. Củng cố, kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở. Đảm bảo quốc phòng an ninh, ổn định chính trị, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ. Phấn đấu đến năm 2020, đưa Phong Thổ cơ bản trở thành huyện phát triển trung bình của tỉnh; đến năm 2030, tiếp tục duy trì là huyện phát triển trung bình của tỉnh, tạo nền tảng vững chắc để phấn đấu thành huyện khá trong tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể:

Giai đoạn 2016-2020:

(1) Tổng GTSX đạt trên 3.590 tỷ đồng. Cơ cấu GTSX đến năm 2020: nông, lâm, thủy sản- công nghiệp, xây dựng – dịch vụ lần lượt đạt 23,1%-39,9%-37%.

(2) Thu nhập bình quân đầu người (giá hiện hành) đạt trên 28,0 triệu đồng/người/năm.

(3) Tổng sản lượng lương thực có hạt trên 37 nghìn tấn, bình quân lương thực đầu người 452kg/người/năm; tốc độ tăng trưởng đàn gia súc tăng trên 5%/năm;

(4) Thu ngân sách trên địa bàn đến năm 2020 đạt trên 50 tỷ đồng.

(5) Xây dựng NTM: Đến năm 2020 trên 35% số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới.

(6) Phát triển kết cấu hạ tầng:

+ Về giao thông: Đến năm 2020, 18/18 xã, thị trấn có đường ô tô đi được quanh năm, trên 80% số bản có đường ô tô đi đến bản, 95% số bản có đường xe máy đi lại thuận lợi.

+ Về hạ tầng lưới điện: Đến năm 2020, 100% xã, thị trấn có điện lưới quốc gia, trên 95% số hộ được sử dụng điện lưới quốc gia, 97-98% số hộ dân được sử dụng điện bằng các nguồn cung cấp thích hợp.

(7) Giảm nghèo, việc làm: tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân trên 4%/năm. Tạo việc làm mới cho 700-1.000 lao động/năm. Tỷ lệ lao động qua đào tạo, tập huấn đến năm 2020 đạt trên 50% (trong đó đào tạo đạt trên 35%).

(8) Giáo dục, đào tạo: Huy động học sinh trong độ tuổi các cấp ra lớp: Mầm non 98% (trong đó trẻ 5 tuổi đạt 100%), tiểu học trên 99%, trung học cơ sở trên 90%, trung học phổ thông trên 50%; tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia các cấp học trên 20%.

(9) Dân số, y tế: Đến năm 2020 trên 70% số xã đạt tiêu chí Quốc gia về y tế; 6,5 bác sỹ/1 vạn dân; 16 giường bệnh/1 vạn dân. Dân số trung bình ước đạt 83.954 người; mức giảm tỷ lệ sinh hàng năm đạt trên 0,5‰; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đạt 2%/năm.

(10) Văn hóa, xã hội: Đến năm 2020, 75% gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa, 70% bản, khu phố đạt tiêu chuẩn văn hóa, 98% cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn văn hóa.

(11) Môi trường: Đến năm 2020 tỷ lệ che phủ rừng đạt 55%, tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%, tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch đạt 100%.

(12) Xây dựng quốc phòng an ninh vững mạnh, đảm bảo ổn định, vững chắc an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội.

Giai đoạn 2020-2030

(1) Tổng GTSX đạt 10.928,698 tỷ đồng, trong đó: nông, lâm, thủy sản tăng 5,7%/năm, công nghiệp, xây dựng tăng 7,9%/năm, dịch vụ tăng 9,4%/năm. Cơ

cấu GTSX đến năm 2020: ngành nông, lâm, thủy sản- công nghiệp, xây dựng- dịch vụ lần lượt đạt 16,1%-41,4%-42,6%.

(2) Thu nhập bình quân đầu người (giá hiện hành) đạt trên 75 triệu đồng/người/năm.

(3) Tổng sản lượng lương thực có hạt đến năm 2030 đạt trên 55 nghìn tấn, lương thực bình quân đầu người đạt trên 548,4 kg/người/năm.

(4) Thu ngân sách trên địa bàn đến năm 2030 đạt 125 tỷ đồng.

(5) Xây dựng NTM: Đến năm 2030, trên 59% số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới.

(6) Phát triển kết cấu hạ tầng:

+ Về giao thông: Đến năm 2030, 18/18 xã, thị trấn có đường ô tô đi được quanh năm, trên 92% bản có đường ô tô đi được đến bản, 100% thôn, bản có đường xe máy đi lại thuận lợi.

+ Về hạ tầng lưới điện: Đến năm 2030, 100% xã có lưới điện quốc gia, trên 98% số hộ được sử dụng điện lưới quốc gia. 100% hộ dân được cung cấp điện bằng các nguồn thích hợp.

(7) Giảm nghèo, việc làm: tỷ lệ giảm hộ nghèo từ 2,0-3,0%/năm; giải quyết việc làm mới cho 500-700 lao động/năm; đến năm 2030 trên 70% lao động qua đào tạo, tập huấn (trong đó đào tạo đạt trên 50%).

(8) Giáo dục, đào tạo: Huy động học sinh trong độ tuổi các cấp ra lớp: Mầm non 100% (trong đó trẻ 5 tuổi đạt 100%), tiểu học 100%, trung học cơ sở trên 98%, trung học phổ thông trên 80%, trên 35% tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia.

(9) Dân số, y tế: Dân số trung bình đến năm 2030 đạt 100.350 người; mức giảm tỷ lệ sinh hàng năm đạt trên 0,2‰; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giai đoạn 2020-2030 đạt 1,8%/năm. 17/18 xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế; trên 9 bác sỹ/1 vạn dân; 23 giường bệnh/1 vạn dân.

(10) Văn hóa, xã hội: Đến năm 2030 trên 90% gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa, trên 80% bản, khu phố đạt tiêu chuẩn văn hóa, 100% cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn văn hóa.

(11) Môi trường: Đến năm 2030 tỷ lệ che phủ rừng đạt 57,3%, tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%, tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch đạt 100%.

(12) Xây dựng quốc phòng an ninh vững mạnh, đảm bảo ổn định, vững chắc an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Phát triển các ngành kinh tế

a. Nông, lâm nghiệp, thủy sản:

GTSX ngành nông- lâm- thủy sản đến năm 2020 đạt 642,3 tỷ đồng (giá so sánh 2010); đến năm 2030 đạt 1.118,1 tỷ đồng (giá so sánh 2010). Tốc độ tăng GTSX bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 6,3%/năm, giai đoạn 2020-2030 đạt 5,7%/năm.

- *Trồng trọt*: Tập trung thâm canh tăng vụ, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất góp phần tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, phấn đấu đến năm 2020 tổng diện tích gieo trồng lúa cả năm đạt 4.437 ha, sản lượng đạt 20.943 tấn, đến năm 2030, diện tích đạt 4.600 ha, sản lượng đạt 23.670 tấn, phát triển vùng sản xuất trồng lúa chất lượng cao tập trung ở các xã Bản Lang, Mường So, Khổng Lào, Đào San, Nậm Xe, Sin Súi Hồ với tổng diện tích khoảng 973 ha vào năm 2020; phát triển cây ngô tại các xã Lán Nhì Thàng, Hoàng Thèn, Ma Ly Pho, Huổi Luông, Sin Súi Hồ, Mù Sang, Bản Lang, Đào San, Nậm Xe, phấn đấu đến năm 2020 diện tích đạt 4.380 ha, trong đó 25% diện tích chuyên ngô tăng vụ, và 25% diện tích ngô trên chân ruộng 01 vụ, đến năm 2030 diện tích đạt 5.575 ha, trong đó 50% diện tích chuyên ngô tăng vụ, 50% diện tích ngô trên chân ruộng 01 vụ. Phát triển cây cao su tại các xã có điều kiện như Khổng Lào, Nậm Xe, Mường So, Ma Ly Pho, Bản Lang với diện tích đạt 1.429 ha vào năm 2020 và duy trì ổn định đến năm 2030; trồng mới cây macca tại Lán Nhì Thàng và Mường So với diện tích đạt khoảng 150 ha vào năm 2020 và 300 ha vào năm 2030. Phát triển cây công nghiệp ngắn ngày và một số cây trồng có lợi thế như cây macca, cây ăn quả (chuối, lê, mận, đào), cây thảo quả,...

- *Chăn nuôi*: Phát triển chăn nuôi với quy mô tập trung theo hộ gia đình và các trang trại, gắn với phát triển trồng cỏ, chế biến dự trữ thức ăn, đảm bảo an toàn dịch bệnh. Đến năm 2020 tổng đàn gia súc đạt 70.338 con (trong đó: đàn trâu đạt 23.118 con, đàn bò đạt 1.236 con, đàn lợn 45.984 con), đàn gia cầm đạt 233.376 con; đến năm 2030 tổng đàn gia súc đạt 86.656 con (trong đó: đàn trâu đạt 30.977 con, đàn bò đạt 1.558 con, đàn lợn 54.121 con), gia cầm đạt 303.390 con.

- *Thủy sản*: Khai thác tốt diện tích mặt nước hiện có, đến năm 2020 diện tích nuôi trồng thủy sản ở các ao, hồ đạt 54,2 ha, sản lượng ước đạt 160 tấn, đến năm 2030, lần lượt đạt 70 ha, 280 tấn. Phát triển nuôi cá nước lạnh đặc biệt là cá hồi vân, cá tầm tại Pa Vây Sừ (suối Thèn Tháo Hồ), Tông Qua Lìn (suối Pênh Hồ), Mồ Sì San (suối Tà Hồ Thầu) với diện tích 5,5 ha vào năm 2020, sản lượng đạt 291 tấn, đến năm 2030 lần lượt đạt 7,5 ha, 600 tấn.

- *Lâm nghiệp*: Thực hiện tốt công tác bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh và trồng mới rừng gắn với chi trả dịch vụ môi trường rừng. Phấn đấu đến năm 2020, diện

tích rừng hiện có đạt 57.052 ha (rừng phòng hộ đạt 38.947 ha, rừng sản xuất đạt 15.683 ha), độ che phủ rừng đạt 55%, khoanh nuôi tái sinh đạt 8.486 ha, diện tích bảo vệ rừng đạt 54.260 ha, trồng rừng mới giai đoạn 2016-2020 đạt 250 ha; đến năm 2030, diện tích rừng đạt 58.984 ha, độ che phủ rừng đạt trên 57,3% (rừng phòng hộ đạt 41.517 ha, diện tích rừng sản xuất đạt 16.467 ha), diện tích bảo vệ rừng đạt 55.585 ha, diện tích khoanh nuôi tái sinh đạt 6.452 ha, trồng rừng mới giai đoạn 2021-2030 đạt 250 ha.

- *Công tác xây dựng nông thôn mới*: Triển khai đồng bộ các giải pháp thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, phát huy nội lực và huy động tối đa các nguồn lực bên ngoài để triển khai thực hiện chương trình. Phần đầu đến năm 2020, trên 35% số xã đạt tiêu chuẩn NTM, đến năm 2030 đạt 59%.

b. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:

GTSX của ngành công nghiệp đến năm 2020 đạt 259,9 tỷ đồng (giá so sánh 2010) và đến năm 2030 đạt 571,6 tỷ đồng (giá so sánh 2010); tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành công nghiệp giai đoạn 2016-2020 đạt 15,3%/năm, giai đoạn 2021-2030 đạt 8,2%/năm. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế, các ngành nghề truyền thống như:

- *Phát triển thủy điện nhỏ và vừa theo quy hoạch*: Tiếp tục duy trì hoạt động nhà máy thủy điện Nậm Cát và Nậm Lụng trên địa bàn. Trong giai đoạn 2016-2020 đầu tư xây dựng 02 nhà máy thủy điện. Giai đoạn 2021-2030 đầu tư xây dựng 05 nhà máy thủy điện theo quy hoạch.

- *Phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm nghiệp và thủy sản*: Thu hút đầu tư phát triển các cơ sở chế biến nông, lâm, thủy sản nhỏ và vừa như lúa, ngô, sắn, chế biến các loại cá nước lạnh (cá hồi, cá tầm), chế biến sản phẩm phụ từ hạt cao su,... tập trung tại các xã, thị trấn thuận tiện về giao thông, có điều kiện phát triển nông, lâm, thủy sản như: thị trấn Phong Thổ, Khổng Lào, Đào Sơn, Mường So, Hoàng Thèn, Huổi Luông, Ma Ly Pho.

- *Phát triển công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng*: Tổ chức khai thác đá tại khu vực xã Mường So; khai thác cát tại khu vực sông Nậm Na, suối Nậm So; khai thác chì, kẽm Nậm Sa, xã Huổi Luông. Phát triển công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng tại Mường So, ưu tiên, khuyến khích các dự án sản xuất gạch không nung để dần thay thế gạch đất nung vào giai đoạn sau 2020.

- *Phát triển tiểu thủ công nghiệp*: Khôi phục và phát triển ngành nghề truyền thống như: nghề rèn, đúc, mây tre đan, dệt thổ cẩm, sản xuất đồ thủ công mỹ nghệ, nghề rèn, đúc, sửa chữa nông cụ,...

c. Thương mại, dịch vụ:

GTSX ngành dịch vụ đến năm 2020 đạt 795,3 tỷ đồng (giá so sánh 2010); đến năm 2030 đạt 1.955,9 tỷ đồng (giá so sánh 2010); tốc độ tăng GTSX của ngành dịch vụ giai đoạn 2016-2020 đạt 13,7%/năm; giai đoạn 2020-2030 đạt 9,4%/năm.

- *Thương mại*: Phát triển hệ thống chợ đáp ứng nhu cầu mua sắm, trao đổi hàng hóa của người dân trên địa bàn, đặc biệt tại các xã vùng cao, đi lại khó khăn. Cải tạo, nâng cấp hệ thống chợ hiện có trên địa bàn, đặc biệt chợ hạng III xã Mường So thành chợ du lịch, điểm tập kết và thương mại hàng hóa nội huyện. Giai đoạn 2016- 2020, xây mới chợ Pô Tô (xã Huổi Luông), chợ Sin Súi Hồ (xã Sin Súi Hồ) đạt tiêu chuẩn chợ hạng III, xây dựng mới 01 siêu thị hạng III tại thị trấn Phong Thổ.

- *Xuất nhập khẩu*: Đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng chủ lực, có lợi thế của địa phương. Phấn đấu đến năm 2020, tổng kim ngạch XNK qua địa bàn đạt 11 triệu USD (không bao gồm hàng tái xuất, chuyển khẩu), trong đó xuất khẩu hàng địa phương đạt 5 triệu USD.

- *Phát triển du lịch*: Phát triển dịch vụ du lịch thông qua cửa khẩu Ma Lù Thàng và các lợi thế dịch vụ sẵn có của địa phương; thu hút và đầu tư phát triển điểm du lịch nước nóng Vàng Bó; du lịch sinh thái khu vực Dào San kết hợp văn hoá dân tộc; phát triển các tour du lịch lữ hành quốc tế qua cửa khẩu Ma Lù Thàng.

- *Dịch vụ vận tải*: khuyến khích sự tham gia của các thành phần kinh tế trong phát triển dịch vụ vận tải trên địa bàn. Phấn đấu đến năm 2020, khối lượng hàng hóa vận chuyển ước đạt 451.990 nghìn tấn, hàng hóa luân chuyển ước đạt 17.855 nghìn T.km; số lượng hành khách vận chuyển ước đạt 25.841 nghìn người, số lượng hành khách luân chuyển ước đạt 12.928 nghìn hk.km. Đến năm 2030 lần lượt đạt 726.358 nghìn tấn, 17.920 nghìn T.km, 36.446 nghìn người, 17.920 nghìn hk.km.

- *Tín dụng, ngân hàng và bưu chính viễn thông*: Thực hiện hiệu quả các chính sách của tỉnh và Trung ương về tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, tăng tỷ lệ số hộ nghèo được vay vốn để phát triển sản xuất kinh doanh, học sinh, sinh viên và chính sách vay vốn của hộ nghèo. Duy trì và nâng cấp hệ thống bưu chính đảm bảo cung cấp dịch vụ bưu chính công ích đáp ứng nhu cầu của người dân, và thực hiện tốt nhiệm vụ phục vụ thông tin của chính quyền các cấp.

2. Phát triển các lĩnh vực Văn hóa - xã hội

a. Phát triển giáo dục - đào tạo

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục THCS. Đến năm 2020, 99% học sinh tiểu học đi học đúng độ tuổi, 90% học sinh tốt nghiệp tiểu học vào lớp 6; 50% tỷ lệ học sinh bậc THCS vào học THPT; đến năm 2030 các tỷ lệ này phấn đấu đạt 99%, 100%, 80%.

Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên giảng dạy, bộ máy quản lý giáo dục các cấp, huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp và trang thiết bị phục vụ công tác dạy học.

b. Phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng

- Đến năm 2020, số bác sỹ/vận dân đạt 6,5 bác sỹ; tỷ lệ trạm y tế xã, thị trấn có bác sỹ trên 70% (gồm cả bác sỹ làm việc định kỳ); trên 70% xã, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã; số giường bệnh/vận dân đạt 16 giường bệnh; 94,5% trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vacxin; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể cân nặng dưới 20%; giảm tỷ suất trẻ em chết dưới 01 tuổi xuống còn 30‰ và dưới 05 tuổi 47‰. Đến năm 2030 lần lượt đạt: 9 bác sỹ; 100%; 100%; 23 giường bệnh; 95%; 18%; 25‰; 40‰.

- Cùng cố, hoàn thiện mạng lưới và nâng cao năng lực hoạt động của hệ thống y tế trên địa bàn huyện; phát triển nguồn nhân lực y tế cả về số lượng và chất lượng, từng bước khắc phục khó khăn về nhân lực cho tuyến y tế cơ sở. Nâng cao chất lượng công tác khám, chữa bệnh. Thực hiện tốt các chương trình, mục tiêu y tế quốc gia; chú trọng xây dựng xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã; chủ động, tích cực triển khai công tác y tế dự phòng; đẩy mạnh các hoạt động của chương trình dân số kế hoạch hóa gia đình.

c. Phát triển văn hóa, thể dục - thể thao

- Đến năm 2020: tỷ lệ gia đình văn hóa; bản, khu phố văn hóa và cơ quan văn hóa lần lượt đạt 75%, 70% và 98%; trên 25% dân số tham gia luyện tập thể dục -- thể thao thường xuyên. Đến năm 2030 lần lượt là: 90%, 80%, 100% và trên 25%.

- Tiếp tục xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đấu tranh chống các hủ tục lạc hậu, các biểu hiện của lối sống không lành mạnh, suy thoái đạo đức. Mở rộng và nâng cao hiệu quả cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất văn hóa, thể thao để từng bước đáp ứng nhu cầu của Nhân dân về hoạt động văn hóa, thể thao.

d. Phát thanh, truyền hình, thông tin và truyền thông

- Tăng cường công tác thông tin lưu động, đẩy mạnh tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước. Duy trì ổn định hoạt động của hệ thống

phát thanh cơ sở, phát huy hiệu quả các trạm phát sóng phát thanh, truyền hình. Phần đầu đến năm 2020, tỷ lệ số hộ xem được Đài truyền hình Việt Nam đạt 99%, tỷ lệ số hộ nghe được Đài tiếng nói Việt Nam đạt 98%

- Tiếp tục mở rộng phủ sóng điện thoại và mạng internet. Đến năm 2020, phần đầu tỷ lệ số người sử dụng internet đạt trên 65%, tỷ lệ số thuê bao di động/dân số đạt trên 65%. Đến năm 2030, tỷ lệ này lần lượt đạt: số người sử dụng internet đạt trên 85%, số thuê bao di động/dân số đạt trên 85%.

e. Đào tạo nghề, giảm nghèo và an sinh xã hội

- Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề cho người lao động, phần đầu tỷ lệ lao động được tập huấn, đào tạo đến năm 2020 đạt 50% số người trong độ tuổi lao động, đến năm 2030 đạt trên 70%.

- Tiếp tục thực hiện công tác xóa đói giảm nghèo, giảm nghèo bền vững. Phần đầu tỷ lệ giảm hộ nghèo đạt trên 4%/năm trong giai đoạn 2016-2020, nâng mức sống của các hộ đã thoát nghèo, giảm bớt tình trạng tái nghèo. Giai đoạn 2020-2030, tỷ lệ giảm hộ nghèo đạt 2-3%/năm. Tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2020 đạt dưới 10%, đến năm 2030 dưới 5%.

3. Dân số, lao động và việc làm; đào tạo đội ngũ cán bộ

a. Dự báo dân số, lao động và việc làm

- Đến năm 2020, dân số trung bình của huyện là 83.954 người, tỷ lệ giảm sinh bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 0,5%/năm; số người trong độ tuổi lao động đạt 47.100 người, trong đó: lao động trong khu vực nông – lâm - thủy sản chiếm khoảng 80,9%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 3,9%, khu vực dịch vụ chiếm khoảng 15,2%; phần đầu giải quyết việc làm cho khoảng 1.100 lao động/năm trong giai đoạn 2016-2020.

- Đến năm 2030, dân số trung bình của huyện là 100.350 người, tỷ lệ giảm sinh bình quân giai đoạn 2021-2030 đạt 0,2%/năm, số người trong độ tuổi lao động đạt 56.000 người, trong đó: lao động trong khu vực nông – lâm - thủy sản chiếm khoảng 67,5%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 6,6%, khu vực dịch vụ chiếm khoảng 25,9%, phần đầu giải quyết việc làm cho khoảng 1.000-1.200 lao động/năm trong giai đoạn 2016-2020.

b. Kế hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ các cấp

Tiếp tục củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức cấp huyện và cấp xã, thị trấn; thực hiện hiệu quả công tác cải cách hành chính; xây dựng chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh.

- Cán bộ cấp huyện: Đến năm 2020, đảm bảo 100% được đào tạo đáp ứng tiêu chuẩn quy định. Trên 90% cán bộ, công chức có trình độ đại học và trên đại

học. 80-90% thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu hàng năm theo ngành, chức danh quy định. Trên 75% viên chức sự nghiệp có trình độ đại học và trên đại học, 90-95% được bồi dưỡng cập nhật kiến thức hàng năm.

- Cán bộ cấp xã: Đến năm 2020, đảm bảo 100% có trình độ văn hóa từ THCS trở lên, trong đó trên 90% có trình độ văn hóa THPT; trên 90% có trình độ trung cấp trở lên, 20% có trình độ đại học. 100% cán bộ cấp xã được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, điều hành theo vị trí công việc.

4. Phát triển kết cấu hạ tầng

a. Phát triển giao thông:

- *Đường quốc lộ:* Phối hợp với Trung ương, tỉnh triển khai thực hiện theo quy hoạch các dự án đầu tư phát triển giao thông vận tải trên địa bàn huyện như: Nâng cấp, cải tạo đoạn dự kiến đi trùng với đường nối Phong Thổ- Lai Châu với cao tốc Nội Bài- Lào Cai đạt tiêu chuẩn đường cấp III vào năm 2020; cải tạo, nâng cấp các tuyến quốc lộ 12, 4D, 100 đạt tiêu chuẩn cấp IV, đường đô thị vào năm 2020 và đạt tiêu chuẩn cấp III vào năm 2030.

- *Đường tỉnh lộ:* Đến năm 2030, cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 132, gồm thảm giữ lại cấp (từ trung tâm xã Khổng Lào đến trung tâm xã Đào San), nâng cấp đoạn tuyến từ trung tâm xã Đào San đến trung tâm xã Sì Lờ Lầu đạt tiêu chuẩn đường cấp V.

- *Đường huyện:* cải tạo, nâng cấp đường Pa Vây Sủ- Mò Sì San- Sì Lờ Lầu- ra biên giới đạt tiêu chuẩn đường A nông thôn vào năm 2020; cải tạo, nâng cấp đường Vàng Ma Chải - Dền Suối Thàng đạt tiêu chuẩn Ant vào năm 2020, đạt tiêu chuẩn đường cấp VI vào năm 2030; cải tạo, nâng cấp đường Pa Tần- Huổi Luông- Cửa khẩu Ma Lù Thàng đạt tiêu chuẩn cấp VI, đường thị tứ Mường So đạt tiêu chuẩn cấp VI, đường thị trấn Phong Thổ- xã Huổi Luông đạt tiêu chuẩn cấp Ant vào năm 2030.

- *Đường hành lang biên giới và đường tuần tra biên giới:* xây dựng tuyến hành lang biên giới Sin Súi Hồ (giáp biên giới Lào Cai) - Mường So dài 39,5 km vào năm 2020, nâng cấp lên đạt cấp IV, V vào năm 2030; xây dựng đường tuần tra biên giới đôn 289-M1 từ xã Sì Lờ Lầu đến Mốc 80; đường Ma Lù Thàng- Chợ Xi Choang, từ mốc 66 đến chợ Sì Choang, đường tuần tra đôn 299, từ mốc 61 đến mốc 54, đường Pa Tần- Nậm Tần, từ Pa Tần đến mốc 54 vào năm 2020.

- *Đường xã, thôn, bản:* Nâng cấp đạt tối thiểu 10% tổng chiều dài đường dân sinh thành đường xã. Nâng cấp mặt đường dân sinh đạt 100% đường cấp phối. Đạt trên 80% số bản có đường ô tô đi được đến bản. Đến năm 2020, cứng hóa 40% đường giao thông nông thôn từ xã đến thôn bản, đến năm 2030 cứng

hóa 60% đường giao thông nông thôn từ xã đến thôn bản, gắn với xây dựng NTM có hạ tầng giao thông hiện đại.

- Quy hoạch, xây dựng các bến, bãi đỗ xe tĩnh nhằm đáp ứng nhu cầu dừng đỗ ngày càng cao. Các bãi đỗ xe tải bố trí ở gần các chợ đầu mối, các vị trí trên đường vành đai. Đến năm 2020, xây dựng bến đỗ xe tại Phong Thổ đạt tiêu chuẩn loại IV.

b. Phát triển hệ thống thủy lợi, cấp nước sinh hoạt

Nâng cấp và mở rộng, xây mới các kênh mương nội đồng, công trình cấp nước sinh hoạt, đê kè chống xói lở bờ sông thuộc các xã trên địa bàn huyện. Trong giai đoạn 2016-2020, nâng cấp 08 công trình thủy lợi có diện tích tưới trên 30 ha, 40 công trình thủy lợi có diện tích tưới dưới 30 ha trên địa bàn theo Quy hoạch, nâng cấp và mở rộng các kênh mương nội đồng, phân đấu tỷ lệ số kênh mương được kiên cố hóa đến năm 2020 đạt khoảng 90%. Đầu tư xây dựng hệ thống hồ chứa nước Nậm Nhíp; xây dựng hệ thống kè sông, suối sát biên giới chống xói lở.

Hoàn thành xây dựng hệ thống cung cấp nước sinh hoạt xã Vàng Ma Chải (quy mô 353 hộ); xã Đào San, Tung Qua Lìn (quy mô 449 hộ); cụm công trình nước sinh hoạt các xã huyện Phong Thổ (đảm bảo phục vụ nước sinh hoạt cho 3110 hộ, giai đoạn 1 quy mô 1870 hộ). Phân đấu đến năm 2020 tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100%, tỷ lệ dân cư đô thị sử dụng nước sạch đạt 100%

c. Phát triển mạng lưới điện

Cải tạo, nâng quy mô công suất trạm Phong Thổ, thay hai máy biến áp, điện áp 110/35/22kV, công suất từ 2x16 MVA nâng lên 2x25 MVA; Đường dây mạch kép đầu nối trạm Nậm Bàn chuyển tiếp trên một mạch đường dây thủy điện Nậm Na 3, dây dẫn AC-240, chiều dài 2 km. Phân đấu đến năm 2020, 90-91% số hộ dân trên địa bàn huyện được hòa vào lưới điện quốc gia, 97-98% số hộ dân được sử dụng điện bằng các nguồn cung cấp thích hợp.

d. Phát triển cơ sở hạ tầng dịch vụ sự nghiệp văn hóa, xã hội

- Hạ tầng giáo dục - đào tạo: Tiếp tục tăng cường xây dựng và phát triển đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng, vật chất, để phát triển các trường lớp, trường phổ thông dân tộc bán trú cho trường tiểu học và THCS. Đến năm 2020 Tỷ lệ phòng học kiên cố cấp mầm non đạt 80%, cấp tiểu học đạt 85%, cấp THCS đạt 95%, cấp THPT đạt 100%; đến năm 2030 lần lượt đạt 90-95%; 90-95%; 98%; 100%.

- Cơ sở hạ tầng y tế, chăm sóc sức khỏe: Đầu tư nâng cấp bệnh viện huyện Phong Thổ thành bệnh viện hạng II vào năm 2020 với quy mô 100 giường bệnh; Cải tạo và nâng cấp các trạm y tế xã trên địa bàn, đầu tư xây mới phòng khám đa

khoa khu vực Mường So, Đào San và Vàng Ma Chải. Đến năm 2020, đạt 16 giường bệnh/1 vạn dân (không tính giường trạm y tế xã), 12/18 xã, thị trấn được xây dựng theo tiêu chí quốc gia về y tế xã; đến năm 2030 lần lượt đạt 23 giường bệnh/1 vạn dân, 17 xã, thị trấn.

- Hạ tầng văn hóa - thể dục thể thao: Cải tạo, nâng cấp hệ thống nhà văn hóa trên địa bàn, đảm bảo 100% xã có nhà văn hóa. Ổn định hệ thống thư viện phổ thông và phát triển cao ở thư viện huyện, 50% số xã có thư viện. Hoàn thiện cơ bản về cơ sở vật chất cho ngành thể dục - thể thao cấp huyện, đến năm 2020, có 8 nhà luyện tập thể thao, 01 sân vận động trên địa bàn.

- Hạ tầng phát thanh, truyền hình, bưu chính viễn thông: Đến năm 2020, phần đầu 15/18 xã, thị trấn có bưu điện văn hóa xã, đảm bảo hoạt động ổn định của 1 bưu cục cấp 2 trên địa bàn. Duy trì hoạt động ổn định của 17 trạm phát sóng FM huyện, xã; 1 trạm truyền thanh huyện; 1 đài truyền hình huyện; 4 trạm truyền hình khu vực cụm xã. Duy trì 100% xã, thị trấn có kết nối internet và phủ sóng di động. Số trạm BTS đến năm 2020 đạt 105 trạm, đến năm 2030 đạt 115 trạm.

- Hạ tầng trụ sở cơ quan các cấp: Cải tạo, nâng cấp trụ sở xã, thị trấn, cấp huyện đáp ứng các tiêu chuẩn quy định. Đảm bảo 100% trụ sở xã, thị trấn có đầy đủ phòng chức năng đảm bảo phục vụ hiệu quả cho hoạt động tiếp dân, quản lý nhà nước, 100% trụ sở các xã, thị trấn, trụ sở các cơ quan cấp huyện có đủ trang thiết bị phục vụ công tác lưu trữ, quản lý nhà nước; đến năm 2020, đảm bảo 100% trụ sở xã, thị trấn có nhà tiếp dân.

5. Phương hướng bảo vệ môi trường

Xây dựng các trạm xử lý, thu gom rác, đặc biệt ở khu vực đô thị; nâng cao tỷ lệ hộ có nhà vệ sinh; xây dựng quy hoạch rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, nâng cao tỷ lệ che phủ. Đến năm 2020 tỷ lệ che phủ rừng đạt 55%, tỷ lệ thu gom rác thải ở khu vực đô thị đạt trên 90%, tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt 99%; đến năm 2030 các chỉ tiêu này lần lượt đạt 57,5%, 95%, 100%, hoàn thành nâng cấp bãi chôn lấp rác thải trên địa bàn.

6. Quốc phòng, an ninh

Gắn phát triển kinh tế - xã hội với việc nâng cao tiềm lực quốc phòng và củng cố hệ thống chính trị cơ sở. Xây dựng thế trận an ninh nhân dân, quốc phòng toàn dân ngày càng vững mạnh, đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

IV. ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Đến năm 2020 đất nông nghiệp 86.492,36 ha, chiếm 84,03% diện tích đất tự nhiên của huyện; đất phi nông nghiệp là 5.527,19 ha, chiếm 5,37% diện tích

đất tự nhiên của huyện; đất chưa sử dụng là 10.904,95 ha, chiếm 10,6% diện tích đất tự nhiên của huyện.

V. ĐỊNH HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN LÃNH THỔ, BỐ TRÍ SẮP XẾP ỔN ĐỊNH DÂN CƯ

1. Phương hướng phát triển vùng trung tâm kinh tế

- Vùng 1: Gồm 8 xã vùng cao: Sĩ Lờ Lầu, Mồ Sĩ San, Vàng Ma Chải, Pa Vây Sừ, Tung Qua Lìn, Đào San, Mù Sang, Ma Ly Chải. Địa hình vùng núi cao. Tập trung bảo vệ rừng, phát triển kinh tế gắn với rừng, thâm canh ruộng lúa bậc thang, kết hợp với trồng cây vụ Đông và cây ôn đới có giá trị cao; phát triển kinh tế trang trại và gia trại, trồng cây ăn quả, chăn nuôi đại gia súc, và nuôi cá nước lạnh.

- Vùng 2: Gồm 7 xã phía Nam và Tây Nam của huyện và thị trấn Phong Thổ. Địa hình vùng thấp. Tập trung phát triển sản xuất cây lương thực hàng hóa quy mô lớn, phát triển cây ăn quả, phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp.

2. Phát triển mạng lưới đô thị

- Tốc độ đô thị hóa của huyện Phong Thổ đến năm 2020 đạt khoảng 10-15%, dự kiến đến năm 2030 là 25%.

- Hệ thống đô thị trên địa bàn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 gồm: Thị trấn Phong Thổ (đô thị loại IV), Mường So (đô thị loại V), Ma Lù Thàng (đô thị loại V); thị trấn Phong Thổ tiếp tục giữ vai trò hạt nhân và trở thành đô thị trung tâm của huyện Phong Thổ, hình thành 02 thị tứ là Đào San và Vàng Ma Chải.

3. Bố trí, sắp xếp ổn định dân cư

Tiếp tục thực hiện công tác bố trí sắp xếp ổn định dân cư, trong đó ưu tiên Bố trí ổn định dân cư các xã sát biên giới Việt – Trung; sắp xếp, ổn định dân cư tại các vùng có nguy cơ sạt lở đất đá, vùng thiếu nước sinh hoạt,... tổng nhu cầu cần sắp xếp ổn định cho 564 hộ dân, 2.603 nhân khẩu.

VI. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Các giải pháp về huy động vốn đầu tư

- Giai đoạn 2016-2020, nhu cầu vốn đầu tư khoảng 1.707,3 tỷ đồng, trong đó: Vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước là 1.024,3, chiếm 60%; các nguồn vốn từ khu vực doanh nghiệp, vốn tín dụng, trái phiếu... là 682,9 tỷ đồng, chiếm 40%. Xét cơ cấu đầu tư theo ngành đến năm 2020, tỷ trọng vốn đầu tư vào ngành CN-XD khoảng 41,7% (712,1 tỷ đồng); ngành nông, lâm và thủy sản khoảng 18% (307,3 tỷ đồng); dịch vụ 40,2% (687,8 tỷ đồng).

- Tăng nguồn thu từ ngân sách địa phương. Ngoài việc thu theo luật định, cần chống thất thu thuế và phí, nuôi dưỡng nguồn thu và tạo nguồn thu mới.

Trên cơ sở chính sách của tỉnh, huyện xây dựng cơ chế để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho nhà đầu tư, chú trọng thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài từ các nhà đầu tư vào khu công nghiệp Mường So.

2. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

Xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, trong đó xác định rõ cơ cấu ngành nghề, tỷ trọng trong các lĩnh vực, cấp bậc đào tạo. Thực hiện tốt chính sách thu hút cán bộ do tỉnh ban hành nhằm thu hút cán bộ kinh tế, khoa học kỹ thuật, chuyên gia giỏi, công nhân lành nghề. Mở rộng hợp tác, liên kết với các cơ sở đào tạo có uy tín để đào tạo lao động kỹ thuật lành nghề. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa về giáo dục, huy động mọi nguồn lực trong xã hội để phát triển đào tạo nghề và giáo dục.

3. Giải pháp phát triển khoa học công nghệ và môi trường

Chú trọng công tác nghiên cứu, ứng dụng các đề tài khoa học công nghệ trên các lĩnh vực nuôi trồng thủy sản, cây công nghiệp, cây ăn quả, tiểu thủ công nghiệp, công nghệ thông tin, lựa chọn những ngành có lợi thế so sánh của huyện để ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại. Khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn huyện tập trung đầu tư cải tiến công nghệ sản xuất, thay thế các thiết bị lạc hậu, đồng bộ hóa công nghệ, tạo ra bước đột phá về năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa. Khai thác gắn với bảo vệ tài nguyên, giữ gìn môi trường sinh thái; có kế hoạch cải tạo đất, chống xói mòn, bạc màu, đẩy mạnh các biện pháp cải tạo và làm giàu đất; xử lý rác thải, xử lý nước thải.

4. Giải pháp về sử dụng đất

Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải thống nhất chặt chẽ từ tổng thể đến các xã, thị trấn đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của huyện. Thực hiện đồng bộ các nội dung quản lý nhà nước về đất đai ở tất cả các cấp và các ngành trên địa bàn huyện; đưa nội dung kế hoạch sử dụng đất vào triển khai có hiệu quả và bảo đảm tính khả thi trong thực tiễn. Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản hoá, hiệu quả cho việc chuyển mục đích sử dụng đất, thuê đất, giao cấp đất, thẩm định các dự án sử dụng đất,...

5. Giải pháp về cơ chế chính sách

Thực hiện tốt các chính sách điều hành phát triển kinh tế- xã hội của Trung ương, tỉnh. Nghiên cứu, đề xuất Kiến nghị với Trung ương cho chính sách đặc thù đối với KKTCK Ma Lù Thàng nhằm phát huy lợi thế của cửa khẩu.

6. Các giải pháp khác

Đẩy mạnh việc thực hiện cải cách hành chính: Đẩy mạnh cải cách hành chính trên các lĩnh vực cơ chế chính sách quản lý, kiện toàn bộ máy hành chính,

nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và cải cách thủ tục hành chính công. Tập trung rà soát các quy trình, thủ tục hành chính, phổ biến công khai quy trình, thủ tục hành chính, người chịu trách nhiệm và thời hạn giải quyết công việc của các cơ quan nhà nước, đơn vị cung cấp dịch vụ công để doanh nghiệp và người dân biết, thực hiện và giám sát thực hiện.

Hợp tác phát triển với các huyện, thị trong tỉnh, vùng: Đẩy mạnh phát triển kinh tế đối ngoại, mở rộng quan hệ hợp tác với các địa phương trong và ngoài tỉnh. Xây dựng các chương trình, dự án hợp tác, liên kết với các địa phương trong vùng để mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, thu hút tiềm lực nguồn vốn nước ngoài cho phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn huyện

Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền đến từng thôn bản, hộ dân nhằm nâng cao nhận thức của người dân về phòng, tránh tệ nạn xã hội, xóa bỏ các tục lệ xấu, mê tín dị đoan, tảo hôn, tuyên truyền trái pháp luật,...

VII. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

1. Các Chương trình trọng điểm

- Chương trình phát triển kinh tế các xã vùng cao biên giới.
- Chương trình phát triển và bảo vệ rừng gắn với sắp xếp, ổn định dân cư.
- Chương trình liên kết và phát triển tiêu thụ nông sản phẩm.
- Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững.
- Chương trình phát triển kết cấu hạ tầng gắn với xây dựng NTM.
- Chương trình quảng bá, phát triển du lịch gắn với bảo tồn văn hóa truyền thống.
- Chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn.
- Chương trình đào tạo, tập huấn cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước

2. Các dự án ưu tiên đầu tư: Căn cứ vào khả năng nguồn vốn đầu tư để triển khai xây dựng các dự án trọng điểm, ưu tiên đầu tư.

(Có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện quy hoạch

Sau khi phê duyệt, Quy hoạch trở thành văn kiện có tính chất pháp lý, làm cơ sở cho các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

Ủy ban nhân dân huyện Phong Thổ và các ngành liên quan triển khai, tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch theo các công việc sau:

1. Giao UBND huyện Phong Thổ:

- Hoàn thiện hồ sơ, tài liệu liên quan của Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Phong Thổ đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 theo nội dung của quyết định này. Tổ chức công bố quy hoạch theo quy định.

- Xây dựng chương trình hành động triển khai thực hiện quy hoạch. Cụ thể hóa các mục tiêu của Quy hoạch bằng các kế hoạch 5 năm, hàng năm. Rà soát, kiến nghị theo thẩm quyền việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong từng thời kỳ.

2. Các sở, ban, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

- Hướng dẫn UBND huyện Phong Thổ lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hàng năm phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn nhằm sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, khuyến khích, thu hút đầu tư.

- Trong quá trình rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch ngành, lĩnh vực cần phối hợp với UBND huyện để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của Quy hoạch; xem xét hỗ trợ huyện trong việc huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài để thực hiện quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Phong Thổ và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT. Tỉnh ủy; (b/c)
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: Lãnh đạo, chuyên viên;
- Lưu: VT, TH.



CHỦ TỊCH

Đỗ Ngọc An

**Biểu 1: Danh mục các dự án trọng điểm thu hút đầu tư trên địa bàn huyện
Đông Thổ giai đoạn 2016-2030**



(Đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nội (Quyết định số 1391/QĐ-UBND ngày 27 tháng Năm 2015)

TT	Lĩnh vực	Tên chương trình	Thời gian
1	Nông nghiệp		
		Dự án trồng cây dược liệu (bao gồm cả cây dược liệu dưới tán rừng)	2016-2020
		Dự án nuôi trồng thủy sản tập trung	2016-2020
		Dự án nuôi cá nước lạnh	2016-2020
		Dự án trồng rau sạch tập trung	2016-2018
2	Thương mại dịch vụ		
		Dự án phát triển điểm du lịch nước nóng – y tế chăm sóc sức khỏe dân tộc Vàng Bó	2016-2020
		Dự án phát triển du lịch sinh thái và trung tâm ẩm thực dân tộc Mường So	2016-2020
		Phát triển tour du lịch sinh thái – cửa khẩu	2016-2020
		Dự án phát triển khu vực du lịch sinh thái- văn hóa dân tộc Đào San	2016-2020
3	Công nghiệp		
		Quy hoạch thủy điện Vàng Ma Chải 1(1,5MW), diện tích 14,00 ha;	2016-2020
		Thủy điện Nậm Xe xã Nậm Xe (9,0 MW), diện tích 77,92 ha;	2016-2020
		Thủy điện Thèn Sin (4,50 MW), diện tích 8,50 ha;	2016-2020
		Thủy điện Vàng Ma Chải 2 (3,9 MW); 5,5 km đường dây 35 Kv (Đào San-Tung Qua Lìn), diện tích 14,00 ha;	2016-2020
		Thủy điện Vàng Ma Chải 3 (5,9MW); 8,4 km đường dây 35 Kv (Đào San-Bản Lang), diện tích 35,40 ha;	2016-2020
		- Thủy điện Nậm Lùm (4,6MW) xã Bản Lang 21,20 ha;	2016-2020

Biểu 2: Danh mục dự án ưu tiên đầu tư từ nguồn vốn NSNN trên địa bàn huyện Phong Thổ giai đoạn 2016-2020



Quyết định số 1391/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2015

TT	Lĩnh vực	Tên dự án	Quy mô	Nguồn vốn (tỷ đồng)	Nguồn tài trợ	Thời gian
1	Hạ tầng đô thị	Hạ tầng kỹ thuật thị tứ Mường So	18 ha	20	NSTW	2016-2018
		Hạ tầng khu thương mại, dịch vụ KKTCK	10.000 m ²	8	NSTW	2017-2019
		Kho hàng hóa ngoại quan KKTCK	Cấp III	8	NSTW	2018-2019
2	Giao thông	Đường Nậm Xe - Sin Súi Hồ	20 km	90	NSTW	2018-2022
		Nâng cấp, cải tạo đường Đào San - Sì Lở Lầu (rải nhựa + thoát nước đoạn Sì Lở Lầu - Mồ Sì San)	GTNT A, 20 km	70	NSTW	2017-2020
3	Thủy lợi	Cụm thủy lợi huyện Phong Thổ		20	NSTW	2016-2022
		Hồ chứa nước Nậm Nhịp xã Mường So	60 ha lúa 2 vụ và cấp NSH cho 980 hộ dân	40	NSTW	2019-2020
4	Khu cửa khẩu Ma Lù Thàng	Hạ tầng dân cư KKTCK giai đoạn 2	9,4 ha, 150 hộ	1,334	NSTW	2016-2018
5	Y tế, chăm sóc sức khỏe	Phòng khám khu vực Vàng Ma Chải		15	NSTW	2017-2019
		Trạm y tế xã Đào San	12 P. chức năng và phụ	5	NSTW	2016-2018
		Trạm y tế xã Mường So	12 P. chức năng và phụ	5	NSTW	2016-2018
6	Giáo dục, đào tạo	Nhà hiệu bộ, nhà LH bộ môn trường THPT Đào San	Nhà LH + nhà hiệu bộ 12 phòng	12	NSTW	2016-2018
		Cụm trường tiểu học, THCS huyện Phong Thổ		30	NSTW	2016-2022
7	Cấp nước	Hệ thống cung cấp nước sinh hoạt	353 hộ	25	NSTW	2016-

TT	Lĩnh vực	Tên dự án	Quy mô	Nguồn vốn (tỷ đồng)	Nguồn tài trợ	Thời gian
	và xử lý rác thải	xã Vàng ma Chải				2018
		Hạ tầng cung cấp nước sinh hoạt xã Mù Sang, Đào San, Tung Qua Lin	449 hộ	20	NSTW	2017-2019
		Cụm công trình nước sinh hoạt các xã huyện Phong Thổ (giai đoạn 1)	1870 hộ	28,05	NSTW	2016-2019
		Cụm công trình nước sinh hoạt các xã huyện Phong Thổ (giai đoạn 2)	1240 hộ	9,35	NSTW	2018-2021
8	Sắp xếp ổn định dân cư	Sắp xếp ổn định dân cư khu vực Dền Suối Thàng	50 hộ	30	NSTW	2017-2019
		Bố trí sắp xếp dân cư khu vực Hoang Chu Van, xã Nậm Xe	80 hộ	20	NSTW	2019-2021
9	Thông tin, truyền thông	Thiết lập mới các Trạm truyền thanh xã	35 trạm	2,5	NSTW	2016-2017
		Mua sắm trang thiết bị Đài TT-TH	7 đài	2,743	NSTW	2018-2022
		Nâng cấp các Trạm truyền thanh xã	64 trạm	10	NSTW	2016-2017
10	Quốc phòng	Đường Ma Ly Chải- Dền Suối Thàng	GTNT A, 5 km	30	NSTW	2017-2019
		Kè khu vực Dền Suối Thàng bảo vệ mốc 70	500 m	50	NSTW	2017-2019
		Tuyến kè chống xói lở bảo vệ bờ suối Sáo Hồ khu vực mốc số 72(2) tuyến biên giới Việt Trung	44 m	38	NSTW	2017-2019
		Đường từ trung tâm xã Sin Súi Hồ vào đồn biên phòng và Bản Sân Bay	GTNT B; 4km	40	NSTW	2017-2018
		Tuyến kè chống xói lở bảo vệ bờ suối Na Mu Chi Hồ khu vực Mốc 72 (2)	44m; đường công vụ L = 5,77 km	38		2016-2018
		Tuyến kè chống xói lở bảo vệ bờ suối Phin Ho khu vực mốc 73(2)	87m; đường công vụ L = 5km	40		2016-2018
		Kè bảo vệ bờ sông suối biên giới khu vực mốc 68(2) đến mốc 69(3)	1500m	150		2016-2019